

dụng sự cố môi trường biển để kích động, tụ tập đông người làm mất an ninh trật tự. Đồng thời, Ban Nội chính Tỉnh ủy đã phối hợp cùng các ban của Tỉnh ủy thành lập các tổ công tác thường xuyên về cơ sở, tích cực tham gia công tác tuyên truyền, vận động nhằm sớm ổn định tình hình.

Qua công tác tham mưu giải quyết các vụ việc phức tạp tại địa phương, Ban Nội chính Tỉnh ủy Quảng Bình rút ra một số vấn đề sau^[3]:

Thứ nhất, việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự trên địa bàn phải được ưu tiên, coi trọng, nhằm mục đích giữ vững ổn định chính trị - xã hội; làm tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự đồng thuận xã hội, phải làm cho nhân dân tin tưởng vào đường lối, sự lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao cảnh giác và chủ động đấu tranh với những âm mưu, luận điệu xuyên tạc của các phần tử xấu.

Thứ hai, trong giải quyết các vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm, các cơ quan tố tụng cần có sự bàn bạc, thống nhất trong đường lối xử lý vụ án, nếu không có sự thống nhất cần tranh thủ ý kiến chỉ đạo của Thường trực cấp ủy nhằm giải quyết vụ án kịp thời, đạt được sự đồng thuận cao giữa các cơ quan, tránh những ý kiến trái chiều từ phía người dân; kịp thời ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn

Thứ ba, nắm chắc tình hình, phải xác định được nguyên nhân và tính chất, tâm trạng, thái độ và nguyện vọng của quần chúng; tình hình kinh tế, chính trị, đặc biệt là văn hóa nơi xảy ra vụ việc. Xử lý kịp thời các bức xúc, nhạy cảm, phức tạp về trật tự an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ xảy ra các vụ việc gây mất ổn định dẫn đến phát sinh thành điểm nóng, phức tạp.

Thứ tư, áp dụng các biện pháp để hạn chế việc lôi kéo, tụ tập đông người, phát huy sức

lượng tổng hợp của hệ thống chính trị, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, đảng viên, quần chúng tích cực, những người có uy tín trong cộng đồng vào công tác vận động, tuyên truyền giải thích cho nhân dân không để bị kẻ xấu lợi dụng kích động, xuyên tạc, xúi giục, tụ tập đông người; hướng quần chúng từ vai trò của những người đòi yêu sách thành người có trách nhiệm cùng với cơ quan có thẩm quyền giải quyết những yêu sách đặt ra. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ ngư dân có hoàn cảnh khó khăn, kịp thời ổn định tình hình.

Thứ năm, tổ chức khắc phục tốt hậu quả sau khi các vụ việc phức tạp được giải quyết; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế, xã hội, như các quy định về quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm công... đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai, có các giải pháp cụ thể nhằm đưa những hoạt động cơ bản của đời sống cộng đồng trở lại bình thường, đồng thời giải quyết những khúc mắc có liên quan.

Thứ sáu, cần đánh giá rút kinh nghiệm về phương thức lãnh đạo, chỉ đạo; cách thức xử lý của cán bộ lãnh đạo, chính quyền cơ sở; sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng có liên quan cũng như những bất cập về chính sách, pháp luật. Dự báo những vụ việc phức tạp có thể tiếp tục xảy ra, đồng thời đề ra giải pháp để xử lý tình huống nhằm tránh bất ngờ, bị động ■

Tài liệu tham khảo:

[1], [2]. Tiến sĩ Phan Văn Tâm, Ban Nội chính Trung ương, *Một số vấn đề về công tác tham mưu của Ban Nội chính Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương trong xử lý vụ việc, vụ án*, Tạp chí Nội chính số 30, tháng 01 + 02 - 2016, tr.37.

[3]. Ban Nội chính Tỉnh ủy Quảng Bình, *Một số vấn đề rút ra từ công tác tham mưu giải quyết các vụ việc, vụ án phức tạp nổi lên về an ninh trật tự*, Chuyên đề Thông tin kinh nghiệm địa phương, Ban Nội chính Trung ương, số thứ 2.

BÀN VỀ QUY ĐỊNH MỚI CỦA ĐIỀU 466 BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015

HOÀNG QUẢNG LỰC

Phó Chánh án TAND tỉnh Quảng Bình

Gải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là loại án tương đối phổ biến hiện nay tại các tòa án. Trong việc giải quyết loại án này, tranh chấp về vấn đề lãi suất trong hợp đồng vay có lãi cũng là việc thường xảy ra. Trước khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, các quy định giải quyết tranh chấp này về mặt nội dung được quy định từ Điều 471 đến Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005, trong đó cách tính lãi suất được quy định tại Điều 474 - Nghĩa vụ trả nợ của bên vay; Điều 476 - Lãi suất; Điều 477 - Thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn.

Khoản 5 Điều 474 - Nghĩa vụ trả nợ của bên vay của Bộ luật Dân sự 2005 quy định: “Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”.

Điều 476 - Lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.

2. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.

Căn cứ vào các quy định nói trên chúng ta có thể thấy trước khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, lãi chậm trả chỉ được tính

trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán mà không được tính trên khoản lãi chưa thanh toán, hay nói cách khác Bộ luật Dân sự năm 2005 thể hiện quan điểm của nhà làm luật là trong giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, không chấp nhận tình trạng lãi chồng lãi, lãi mẹ đẻ lãi con.

Cách quy định như vậy có mặt được là bảo vệ được cho bên vay, nhất là trong các trường hợp vì hoàn cảnh quá khó khăn, mà họ buộc phải vay với lãi suất quá cao; đồng thời phán quyết của tòa án dễ thi hành hơn trong đời sống thực tiễn, vì các trường hợp tranh chấp hợp đồng vay tài sản, khi bên cho vay đã khởi kiện ra tòa án thì thông thường bên vay đã lâm vào hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả nợ, nên nếu cách tính buộc bên vay phải chịu trả lãi nhiều thì họ càng tìm mọi cách để trốn tránh, chây ỳ nghĩa vụ thi hành án. Tuy vậy hạn chế lớn nhất của cách quy định này là tạo nên tình trạng thiếu công bằng về mặt pháp lý giữa bên vay và bên cho vay, đó là bên vay không phải gánh chịu hậu quả kinh tế gì đối với khoản tiền lãi chậm trả do mình gây ra mà pháp luật lại chuyển hậu quả này cho bên cho vay phải gánh chịu. Điều này góp phần tạo nên tâm lý thiếu tích cực trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nói chung, trả lãi nói riêng của bên vay.

Khắc phục hạn chế này, Bộ luật Dân sự năm 2015 tại khoản 5 Điều 466 - Nghĩa vụ trả nợ của bên vay đã quy định: “Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:



a. Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

b. Lãi suất nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Điều 468 - Lãi suất của Bộ luật Dân sự 2015 quy định như sau: 1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ vào tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều này tại thời điểm trả nợ.

Quy định phần chữ đậm ở khoản 5 Điều 466 là mới và diễn đạt quá ngắn gọn nên tương đối khó hiểu. Vì vậy, hiện nay nhiều người, kể cả những người làm công tác pháp luật còn lúng túng, dẫn đến việc xét xử các vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản gặp nhiều khó khăn.

Để góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc này chúng tôi xin tính toán một trường hợp cụ thể thông qua một ví dụ để những ai quan tâm tham khảo.

Ví dụ: A vay B 100 triệu đồng từ 1/1/2014, với thỏa thuận như sau:

- Lãi 1%/tháng, trả vào ngày đầu tiên của những tháng tiếp theo (tức từ 1/2/2014 trở đi).
- Ngày 1/1/2016, A phải trả hết tiền nợ gốc là 100 triệu đồng.

Do A không thực hiện thỏa thuận (không trả cả gốc lẫn lãi), nên ngày 1/10/2016, B khởi

kiện yêu cầu tòa án buộc A phải trả đủ nợ gốc và lãi theo quy định pháp luật.

Ngày 1/1/2017, tòa án xét xử sơ thẩm vụ kiện. Do A hoàn toàn chưa trả cả gốc lẫn lãi, nên áp dụng Điều 688 - Điều khoản chuyển tiếp và khoản 5 Điều 466 - nghĩa vụ trả nợ của bên vay của Bộ luật Dân sự năm 2015, tòa án buộc A phải trả cho B các khoản nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 1/1/2017 như sau:

a. Nợ gốc 100 triệu đồng.

b. Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng với thời gian 24 tháng là: 100 triệu đồng x 24 tháng x 1%/tháng = 24 triệu đồng.

c. Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả (bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng) với thời gian chậm trả là 12 tháng là: 100 triệu đồng x 12 tháng x 1,5%/tháng = 18 triệu đồng.

d. Lãi trên nợ lãi chậm trả:

Do mức lãi suất đối với lãi chậm trả trong trường hợp này theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 268 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên mức lãi suất là 10%/năm, tức là 0,83%/tháng.

Ngày 1/2/2014 là ngày A phải trả 1 triệu đồng tiền lãi cho B, nhưng từ đó đến ngày 1/1/2017 A đã không trả, nên A phải chịu tiền lãi của số tiền không trả này với thời gian 35 tháng (từ 1/2/2014 đến 1/1/2017) là: 1 triệu đồng x 0,83%/tháng x 35 tháng.

Ngày 1/3/2014 là ngày A phải trả 1 triệu đồng tiền lãi cho B, nhưng từ đó đến ngày 1/1/2017 A đã không trả nên A phải chịu tiền lãi của số tiền không trả này với thời gian 34 tháng (từ 1/3/2014 đến 1/1/2017) là: 1 triệu đồng x 0,83%/tháng x 34 tháng.

Ngày 1/11/2016 là ngày A phải trả 1 triệu đồng tiền lãi cho B, nhưng từ đó đến ngày 1/1/2017 A đã không trả nên A phải chịu tiền lãi của số tiền không trả này với thời gian 2 tháng (từ 1/11/2016 đến 1/1/2017) là: 1 triệu đồng x 0,83%/tháng x 2 tháng.

Ngày 1/12/2016 là ngày A phải trả 1 triệu đồng tiền lãi cho B, nhưng từ đó đến ngày 1/1/2017 A đã không trả nên A phải chịu tiền lãi của số tiền không trả này với thời gian 1 tháng (từ 1/12/2016 đến 1/1/2017) là: 1 triệu đồng x 0,83%/tháng x 1 tháng.

Do đó tổng số lãi trên lãi chậm trả là: (1 triệu đồng x 0,83%/tháng x 35 tháng) + (1 triệu đồng x 0,83%/tháng x 4 tháng) + + (1 triệu đồng x 0,83%/tháng x 2 tháng) + (1 triệu đồng x 0,83%/tháng x 1 tháng) = 1 triệu đồng x 0,83%/tháng x (35 + 34 + 33 + ... + 3 + 2 + 1) tháng = 1 triệu đồng x 0,83%/tháng x $\frac{1}{2} \times 35 \times 36$ tháng = 5,23 triệu đồng (phần tính tổng có thể cộng lần lượt, nhưng để tính nhanh nên áp dụng công thức tổng của một cấp số cộng bằng một nửa tích của số các số hạng nhân với tổng của số hạng đầu và số hạng cuối đã học ở chương trình toán phổ thông trung học).

Do đó, tòa án buộc A phải trả nợ cho B là: 100 triệu đồng + 24 triệu đồng + 18 triệu đồng + 5,23 triệu đồng = 147,23 triệu đồng.

Như vậy, từ ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, quan điểm mà trước đây chúng ta nghe rất quen thuộc là khi giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tiền, tòa án không chấp nhận tình trạng lãi chồng lãi, (hay lãi mẹ đẻ lãi con) đã không còn đúng nữa. Trong tổng số tiền 147,23 triệu đồng ông A có nghĩa vụ phải trả cho ông B mà tòa án đã phán quyết, bao gồm cả 5,23 triệu đồng lãi con do việc chậm trả lãi mẹ.

Việc buộc người vay phải chịu lãi trên số tiền lãi chậm trả là một quy định mới của Bộ luật Dân sự năm 2015, rất khác so với các quy định truyền thống trước đây, việc cần tính toán chính xác khoản lãi này làm cơ sở cho việc giải quyết tranh chấp chắc chắn làm cho nhiều người lúng túng. Vì vậy hy vọng bài viết này giúp ích cho những người làm công tác pháp luật hay những ai quan tâm khi thực hiện quy định pháp luật mới này ■